TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày 24-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2/ Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 820/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 517/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Trọng T; sinh năm: 1977; thường trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Khu phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Khắc L; sinh năm: 1972; địa chỉ: Số C khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Trọng T trình bày:*

Ông Trần Trọng T và ông Trần Khắc L có mối quan hệ quen biết nhau. Từ năm 2013 đến năm 2019, ông L có nhờ ông T thi công các công trình trên địa bàn huyện B, tỉnh Bình Phước bao gồm: Công trình tại các trường mầm non, trung học, tiểu học và các công trình xây mương, kè đá trên các con đường. Do cả hai quen biết nhau nên việc thi công chỉ thỏa thuận miệng không có lập hợp đồng. Hai bên thỏa thuận ông L là người đứng ra thầu các công trình và khoán lại cho

ông T làm. Ông T sẽ trực tiếp thuê nhân công, máy móc thiết bị (máy trộn, máy đào, dàn giáo….) để phục vụ việc thi công công trình. Công trình hoàn thành ông L sẽ thanh toán tiền cho ông T.

Sau khi thi công xong, hai bên đã tiến hành nghiệm thu, kiểm tra chất lượng công trình. Ngày 14/4/2023 ông L và ông T đã chốt công nợ của các công trình đã thi công. Theo đó, ông L xác nhận tổng số tiền ông L còn nợ của ông T 7.711.000.000 đồng, trong đó: lần một số tiền 7.162.000.000 đồng, lần hai số tiền 549.000.000 đồng. Trong quá trình thi công ông T đã tạm ứng của ông L nhiều đợt với tổng số tiền 4.211.000.000 đồng. Thời điểm ứng tiền ông T có ký vào sổ ứng của ông L và ông L là người giữ. Sau khi trừ đi số tiền đã tạm ứng thì ông L còn nợ của ông T số tiền 3.500.000.000 đồng. Ông L hứa sẽ thanh toán cho ông T nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Việc ông T thi công công trình là cho cá nhân ông L, không liên quan đến Công ty TNHH MTV G1 do ông L là người đại diện theo pháp luật. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông L thanh toán tiền thi công công trình còn nợ là 3.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông L cho rằng căn nhà hiện ông T đang ở là do ông L bỏ tiền mua vật tư cho ông T, ông T khẳng định có sự việc trên. Tuy nhiên, ông L chỉ cung cấp vật tư xây dựng phần thô cho căn nhà khoảng 70% đổi lại ông T đã thuê nhân công xây dựng nhà cho ông L ở. Trường hợp ông L muốn ông T thanh toán lại tiền vật tư thì đề nghị ông L cung cấp chứng cứ thể hiện số tiền vật tư ông L đã mua. Đối với số tiền ông T đã thuê nhân công xây dựng nhà cho ông L thì ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2024, bị đơn ông Trần Khắc L trình bày:*

Từ năm 2013 đến năm 2019, ông L có nhờ ông T thi công các công trình trên địa bàn huyện B, tỉnh Bình Phước bao gồm trường mầm non, trung học, tiểu học và các công trình xây mương, kè đá trên các con đường. Việc thi công chỉ thỏa thuận miệng, không có lập biên bản giấy tờ gì. Theo đó, ông L là người đứng ra nhận thầu các công trình và giao cho ông T thi công. Ông T sẽ là người trực tiếp thuê nhân công, máy móc để thi công sau đó hai bên sẽ ngồi lại xác nhận giá trị thi công và ông L sẽ thanh toán tiền cho ông T.

Ngày 14/4/2023, ông L có lập biên bản xác nhận lại khối lượng và giá trị mà ông T đã thi công, theo đó: lần một 7.162.000.000 đồng, lần hai 549.000.000 đồng, hai biên bản này ông L đều ký tên xác nhận. Tổng giá trị công trình ông T đã thi công là 7.711.000.000 đồng. Trong quá trình thi công ông T có đến ứng tiền của ông L, tuy nhiên, ông L không nhớ số tiền ứng là bao nhiêu. Việc ông L thuê ông T thi công với tư cách là cá nhân ông L thuê chứ không liên quan gì đến Công ty TNHH MTV G1 do ông L là người đại diện theo pháp luật.

Ngoài ra, ông L còn mua vật tư để xây dựng nhà cho gia đình ông T ở. Số tiền mua vật tư là bao nhiêu thì ông L không nhớ rõ, ông L sẽ cung cấp cho Tòa án sau để yêu cầu ông T cấn trừ vào số tiền mà ông L còn nợ của ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành và tuân theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra. bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện việc thi công các công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền Bị đơn chưa thanh toán tiền thi công công trình đầy đủ cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Trần Khắc L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Trần Trọng T và bị đơn ông Trần Khắc L xác định việc ông Trần Trọng T thỏa thuận thi công các công trình cho cá nhân ông Trần Khắc L không liên quan gì đến Công ty TNHH MTV G1 do ông Trần Khắc L là người đại diện theo pháp luật. Do đó, Tòa không đưa Công ty TNHH MTV G1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất từ năm 2013 đến năm 2019, ông Trần Trọng T có thi công các công trình trên địa bàn huyện B, tỉnh Bình Phước bao gồm trường mầm non, trung học, tiểu học và các công trình xây mương, kè đá trên các con đường cho ông Trần Khắc L. Việc thi công chỉ thỏa thuận miệng, không có lập biên bản giấy tờ gì. Tổng giá trị công trình ông T đã thi công cho ông L là 7.711.000.000 đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Qúa trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn xác định các công trình nguyên đơn thi công đã đưa vào hoạt động. Ngày 14/4/2023, hai bên xác nhận tổng giá trị công trình là 7.711.000.000 đồng, do đó hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt theo quy định tại khoản 1 Điều 422 Bộ luật Dân sự do hợp đồng đã được hoàn thành. Tại khoản 3 Điều 144 Luật xây dựng quy định: "*Bên giao thầu phải thanh toán đủ giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*". Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*". Tuy nhiên, sau khi chấm dứt Hợp đồng, ông

L đã không thanh toán tiền thi công còn nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ông T và ông L thống nhất trong quá trình thi công, ông T có tạm ứng tiền của ông L. Tuy nhiên, bản thân ông L không xác định được số tiền ông T đã tạm ứng là bao nhiêu. Riêng ông T xác định số tiền đã tạm ứng của ông L là 4.211.000.000 đồng và mỗi lần ứng tiền đều ký vào sổ tạm ứng do ông Lâm G. Tòa án đã yêu cầu ông L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền ông T đã tạm ứng của ông L nhưng ông L không cung cấp được để phản bác số tiền ông T đã tạm ứng. Do đó, chỉ có cơ sở xác định số tiền ông T tạm ứng của ông L là 4.211.000.000 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền ông T đã tạm ứng thì số tiền ông L còn còn nợ của ông T là 3.500.000.000 đồng [7.711.000.000 đồng - 4.211.000.000 đồng]. Do đó, việc ông T yêu cầu ông L thanh toán tiền thi công còn nợ 3.500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Ngoài ra, ông L cho rằng ông có cung cấp vật tư để ông T xây dựng nhà để ở nên yêu cầu cấn trừ vào số tiền còn nợ ông T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã yêu cầu ông L cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện gái trị vật tư mà ông L cung cấp cho ông T xây dựng nhà ở nhưng ông L không cung cấp được, đồng thời ông L cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Trường hợp ông L có tranh chấp với ông T về giá trị vật tư ông L đã bỏ ra cho ông T xây dựng nhà thì dành quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 144, 147 , 227, 228, 238 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 138, Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng;

Căn cứ các Điều 351, 385, 386, 400, khoản 1 Điều 422, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trọng T đối với bị đơn ông Trần Khắc L về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Buộc ông Trần Khắc L thanh toán cho ông Trần Trọng T số tiền 3.500.000.000đ (ba tỉ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Khắc L phải chịu 102.000.000đ (một trăm lẻ hai triệu đồng). Hoàn trả cho ông Trần Trọng T 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017802 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương